

Bản án số: 143/2017/HS-ST

Ngày: 25/12/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Ngọc Thúy – Nghề nghiệp: Giáo viên; Nơi công tác: Trường chuyên biệt Hy Vọng quận S;

2. Bà Vũ Thị Hiệp – Nghề nghiệp: Cán bộ; Nơi công tác: Ủy ban mặt trận Tổ quốc Phường 4, quận S

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thùy Vân - Cán bộ Tòa án nhân dân quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trương Công Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận S, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 149/2017/HSST-QĐ ngày 07 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: Phạm Minh Nhật T; Giới tính: nam; Sinh ngày 05/4/2000 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: 239 đường L, phường A, quận S, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: Không nơi cư trú nhất định; Nghề nghiệp: Làm công; Trình độ học vấn: 10/12; Con ông Phạm Minh H, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1973; Chưa có vợ, con; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 08/9/2017. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Phạm Minh Nhật T: Ông Phạm Minh H, sinh năm 1972 - Là cha của bị cáo Phạm Minh Nhật T; Thường trú: Không nơi đăng ký hộ khẩu thường trú; Chỗ ở: Không nơi cư trú ổn định (vắng mặt) và bà Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1973 - Là mẹ của bị cáo Phạm Minh Nhật T; Thường trú: 239 đường L, phường A, quận S, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 52 đường B, phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Phạm Minh Nhật T: Ông Đào Kim L - Trợ giúp viên Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thuộc Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ: 470 Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Chị Phùng Minh T, sinh năm 1996; Thường trú: 174 đường V, phường U, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2/ Anh Đào Duy P, sinh năm 1997; Thường trú: 49/24 đường Đ, phường A, quận A1, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

3/ Anh Phạm Minh N, sinh năm 1994; Thường trú: 239 đường L, phường A, quận S, Tp. Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 52 đường B, phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Người làm chứng: Ông Hồ Sỹ Đ, sinh năm 1953; Thường trú: 925/27 đường H, phường O, quận S, Tp. Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NHẬN THẤY:

Bị cáo Phạm Minh Nhật T bị Viện kiểm sát nhân dân quận S, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào lúc 23 giờ 00 ngày 07/9/2017, tổ công tác Đội cảnh sát hình sự - Công an quận S trên đường tuần tra đến ngã ba đường C – đường Y, phường O, quận S, Thành phố Hồ Chí Minh phát hiện Phạm Minh Nhật T đang ngồi trên xe gắn máy hiệu Luvias biển số 59K1-224.49, có biểu hiện nghi vấn nên tiến hành kiểm tra. Qua kiểm tra, phát hiện bên trong túi quần phía trước bên phải của T có 01 gói nylon có chứa tinh thể màu trắng (T khai là ma túy đá) nên đưa T cùng phương tiện về Công an phường O, quận S tiến hành lập biên bản phạm tội quả tang. Vụ việc được chuyển Cơ quan điều tra – Công an quận S thụ lý điều tra.

Tại Cơ quan điều tra Công an quận S: Phạm Minh Nhật T khai như sau: Do T bị nghiện ma túy, để có ma túy sử dụng, khoảng 21 giờ 00 ngày 07/9/2017, T đến quán Bar 2000 mua ma túy của một người thanh niên tên Phú (không rõ lai lịch) với giá 300.000 đồng. Ngoài ra, T còn khai nhận vào các ngày 28/8/2017 và 31/8/2017, cũng tại quán Bar 2000, T đã 02 lần mua ma túy của Phú, đồng thời khi mua ma túy sử dụng thì T có chia lại cho Đậu Xanh (không rõ lai lịch) một ít để sử dụng.

Theo kết quả giám định số 1520/KLGD-H ngày 09/10/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Tinh thể không màu trong 01 gói nylon được niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên Phạm Minh Nhật T và hình con dấu của Công an phường O, quận S gửi đến giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 1,0505gr loại Methamphetamin.

Vật chứng gồm:

- 01 gói niêm phong có chữ ký của giám định viên Phan Tấn Quốc và cán bộ điều tra Bùi Thành Phương;
- 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng, số IMEI: 358757054049252 và sim gắn số, T khai mục đích sử dụng cho bản thân;
- 01 xe gắn máy biển số 59K1-224.49; số máy 44S1054306, số khung RLCL44S10BY054304.

Tại Cáo trạng số 119/CT-VKS ngày 06/11/2017, Viện kiểm sát nhân dân quận S, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Phạm Minh Nhật T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa:

Bị cáo Phạm Minh Nhật T khai nhận chính bị cáo đã thực hiện hành vi tàng trữ 01 gói nylon là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 1,0505gr loại Methamphetamin như bản cáo trạng đã nêu.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Phạm Minh Nhật T là bà Nguyễn Thị Thùy D – mẹ của bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, sớm trở về phụ giúp gia đình.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Minh N trình bày: Bị cáo Phạm Minh Nhật T là em ruột của anh Phạm Minh N. Trước đây, bị cáo T không có xe để đi làm nên anh có cho T mượn chiếc xe gắn máy biển số 59K1-224.49; số máy 44S1054306, số khung RLCL44S10BY054304. Ngày 07/9/2017, anh N không biết bị cáo T đã dùng chiếc xe trên để đi mua ma túy sử dụng. Nay anh Phạm Minh N đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại cho anh chiếc xe gắn máy biển số 59K1-224.49 để làm phương tiện đi làm. Ngoài ra, anh N không có yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S, Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Phạm Minh Nhật T như Bản cáo trạng số 119/CT-VKS ngày 06/11/2017 (chỉ sửa đổi ngày bị tạm giam của bị cáo Phạm Minh Nhật T từ ngày 07/9/2017 thành ngày 08/9/2017, các nội dung khác của Bản cáo trạng không thay đổi) và sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Phạm Minh Nhật T đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Phạt bị cáo Phạm Minh Nhật T từ 18 (mười tám) tháng đến 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự.

Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu, tiêu hủy 01 gói đã được niêm phong, có ghi vụn: 1520/17 Q6 cùng chữ ký của giám định viên Phan Tấn Quốc và cán bộ điều tra Bùi Thành Phương;

- Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng, số IMEI : 358757054049252 và sim gắn số;

- Trả lại chiếc xe gắn máy biển số 59K1-224.49; số máy 44S1054306, số khung RLCL44S10BY054304 cho anh Phạm Minh N.

Đối với người tên Phú mà bị cáo Phạm Minh Nhật T khai bán ma túy cho bị cáo và Đậu xanh là người chia lại ma túy từ bị cáo T do không xác định được lai lịch, không có cơ sở làm rõ nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Minh Nhật T là ông Đào Kim L – Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thuộc Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh: Thống nhất với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân quận S truy tố đối với bị cáo T. Tuy nhiên, người bào chữa cho bị cáo Phạm Minh Nhật T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết về nhân thân của bị cáo như: bị cáo sinh ra trong gia đình khó khăn, cha bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc, do có mâu thuẫn trong gia đình mà bị cáo đã bỏ nhà đi và bị bạn bè rủ rê sử dụng ma túy, bị cáo là người chưa thành niên, trình độ học vấn thấp; Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đến mức thấp nhất. Ngoài ra, bị cáo Phạm Minh Nhật T có 02 tình tiết giảm nhẹ nên người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 60 của Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo để sớm trở về cho gia đình giáo dục.

Sau khi tranh luận, đại diện Viện kiểm sát bảo lưu lời luận tội; người bào chữa bảo lưu lời bào chữa.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo Phạm Minh Nhật T, người đại diện hợp pháp và người bào chữa cho bị cáo Phạm Minh Nhật T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Minh N;

XÉT THẤY:

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo Phạm Minh Nhật T khai nhận chính bị cáo đã thực hiện hành vi như Bản cáo trạng đã nêu. Xét lời khai của bị cáo Phạm Minh Nhật T là phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Kết luận giám định, lời khai của người làm chứng tại cơ quan điều tra cùng những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Phạm Minh Nhật T đã phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tội phạm và hình

phạt được quy định tại khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009);

Hành vi của bị cáo Phạm Minh Nhật T đã chống lại chủ trương bài trừ ma túy của Đảng và Nhà nước, xâm phạm đến các quy định của nhà nước về quản lý các chất ma túy, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương và ma túy còn là nguyên nhân của các tội phạm, tệ nạn xã hội khác. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Minh Nhật T, Hội đồng xét xử thấy cần phạt bị cáo một mức án thật nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và để phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét tại thời điểm phạm tội bị cáo là người chưa thành niên, tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt khi lượng hình theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 69 và khoản 1 Điều 74 của Bộ luật hình sự.

Về ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Phạm Minh Nhật T là ông Đào Kim L: Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Phạm Minh Nhật T theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 được Hội đồng xét xử chấp nhận như nhận định trên. Đối với ý kiến của người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 60 của Bộ luật hình sự cho bị cáo Phạm Minh Nhật T được hưởng án treo. Tại phiên tòa, chính bị cáo Phạm Minh Nhật T và người đại diện hợp pháp cho bị cáo T là bà Nguyễn Thị Thùy D đều xác nhận: Trước khi bị bắt thì bị cáo Phạm Minh Nhật T không có nơi cư trú nhất định, do có mâu thuẫn với anh trai mà bị cáo đã bỏ nhà đi, bà Dung đã nhiều lần khuyên T về nhà ở và tìm việc làm nhưng T không đồng ý mà chỉ về nhà tắm giặt rồi đi qua đêm, không ngủ lại nhà và bà Dung cũng không biết T đi đâu. Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Phạm Minh Nhật T được hưởng án treo để gia đình giáo dục là không có cơ sở để chấp nhận.

Việc xử lý vật chứng:

- 01 gói đã được niêm phong, có ghi vụ: 1520/17 Q6 cùng chữ ký của giám định viên Phan Tấn Quốc và cán bộ điều tra Bùi Thành Phương là vật cấm lưu hành nên Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự (Theo Phiếu nhập kho vật chứng số 188/PNK ngày 24/10/2017 của Công an quận S – BL59).

Đối với chiếc điện thoại di động hiệu Iphone vỏ màu vàng, bên ngoài có số IMEI : 358757054049252 và gắn sim số thu giữ của bị cáo Phạm Minh Nhật T, Cơ quan điều tra xác định là tài sản riêng của bị cáo T, không liên quan gì đến hành vi phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử trả lại cho T theo quy định tại khoản 3 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự (Theo Phiếu nhập kho vật chứng số 157/PNK ngày 15/9/2017 của Công an quận S – BL58).

- Đối với chiếc xe mô tô biển số 59K1-224.49 mà bị cáo Phạm Minh Nhật T sử dụng làm phương tiện phạm tội. Cơ quan điều tra xác định chiếc xe này có số máy 44S1054306, số khung RLCL44S10BY054304 do chị Phùng Minh T đứng tên chủ sở hữu (theo Phiếu trả lời xác minh ngày 15/9/2017 của Công an quận S, Thành phố Hồ Chí Minh – BL64), đến ngày 05/12/2016 chị T đã bán chiếc xe này cho anh Đào Duy P (có làm hợp đồng ủy quyền tại Văn phòng công chứng Huỳnh Thị Ngọc Yến). Sau khi mua chiếc xe trên, do không có nhu cầu sử dụng nữa nên ngày 06/12/2016, anh P đã bán lại chiếc xe trên cho anh Phạm Minh N (Chị T, anh P có làm hợp đồng ủy quyền lại cho anh Phạm Minh N tại Văn phòng Công chứng Quận 10). Còn bị cáo Phạm Minh Nhật T khai tối ngày 07/9/2017, bị cáo đã mượn chiếc xe trên của anh N để đi sinh nhật bạn, Cơ quan điều tra xác định đây là tài sản riêng của anh Phạm Minh N, không liên quan gì đến hành vi phạm tội của bị cáo, nên Hội đồng xét xử trả lại cho anh Phạm Minh N theo quy định tại khoản 3 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự (Theo Phiếu nhập kho vật chứng số 157/PNK ngày 15/9/2017 của Công an quận S – BL58).

Theo lời khai của bị cáo Phạm Minh Nhật T thì ngày 28/8/2017 và ngày 31/8/2017 bị cáo đã 02 lần mua ma túy của một người tên Phú tại quán Bar 2000 và sau khi mua ma túy thì bị cáo có chia cho Đậu Xanh sử dụng. Cơ quan điều tra - Công an quận S không xác định được lai lịch của những người này và tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S đề nghị lúc nào Cơ quan điều tra làm rõ sẽ giải quyết sau, do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Bị cáo Phạm Minh Nhật T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố bị cáo **Phạm Minh Nhật T** phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 69, khoản 1 Điều 74 và Điều 45 của Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009);

Xử phạt bị cáo **Phạm Minh Nhật T** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 08/9/2017.

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu, tiêu hủy 01 gói đã được niêm phong, có ghi vụ: 1520/17 Q6 cùng chữ ký của giám định viên Phan Tấn Quốc và cán bộ điều tra Bùi Thành Phương.

- Áp dụng khoản 3 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Trả lại bị cáo Phạm Minh Nhật T 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng, số IMEI: 358757054049252 và gắn sim số.

Trả lại anh Phạm Minh N 01 (một) chiếc xe gắn máy biển số 59K1-224.49, số máy 44S1054306, số khung RLCL44S10BY054304.

- Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Phạm Minh Nhật T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo Phạm Minh Nhật T, người đại diện hợp pháp của bị cáo Phạm Minh Nhật T, người bào chữa cho bị cáo Phạm Minh Nhật T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Minh N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được thông đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- VKSND quận S;
- Công an quận S
- Chi cục THADS quận S;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thanh Trúc